

Số: 26/2026/HHD/BC

Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

V/v Báo cáo Quỹ bình ổn giá xăng dầu  
Tháng 7/2026

Kính gửi: - Bộ Tài Chính – Cục Quản Lý Giá;

- Bộ Công Thương – Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thực hiện Thông tư số 103/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu gửi Báo cáo tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu (đính kèm).

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/07/2026 đến ngày 31/07/2026.

Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu xin chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của Quỹ bình ổn giá xăng dầu mà chúng tôi đã báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Lâm Thị Thanh Xuân.
- Địa chỉ đơn vị thực hiện báo cáo: Số 38 Đường Tuyến Vòng Tránh, QL1A, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0344140477.
- Email: xuanlth@hpetro.vn

Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO VỀ QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

(Kèm theo Công văn số 26/2026/HHD/BC ngày 12 tháng 08 năm 2026  
của Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu)

1. Bảng tổng hợp tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu (Quỹ BOG) trong kỳ báo cáo tháng 07/2026 của Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu

| STT | Mặt hàng                                                               | Tổng sản lượng xăng, dầu trích lập Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng sản lượng xăng, dầu chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng số tiền trích lập Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Tổng số tiền chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG dương (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm (đồng) | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ/cuối kỳ (đồng) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| (a) | (b)                                                                    | (c)                                                          | (d)                                                            | (đ)                                            | (e)                                              | (g)                                           | (h)                                        | (i)                                 |
| I   | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ (Số dư Quỹ BOG cuối kỳ trước liên kế chuyển sang) |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            | 3.152.489.483                       |
| II  | Tổng phát sinh trong kỳ = 1 + 2 + ... + 8                              | 0                                                            | 0                                                              | 0                                              | 0                                                | 1.119.927                                     | -                                          | 1.119.927                           |
| 1   | Xăng Ron 95                                                            | 0                                                            |                                                                | 0                                              |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| 2   | Xăng E5 Ron 92                                                         |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            | -                                   |

| STT | Mặt hàng                                            | Tổng sản lượng xăng, dầu trích lập Quỹ BOG trong kỳ (lít,kg) | Tổng sản lượng xăng, dầu chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (lít,kg) | Tổng số tiền trích lập Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Tổng số tiền chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG dương (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm (đồng) | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ/cuối kỳ (đồng) |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| (a) | (b)                                                 | (c)                                                          | (d)                                                            | (đ)                                            | (e)                                              | (g)                                           | (h)                                        | (i)                                 |
| 3   | Dầu diesel 0,05S                                    | 0                                                            | 0                                                              | 0                                              | 0                                                |                                               |                                            |                                     |
| 4   | Dầu diesel 0,001S                                   |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| 5   | Dầu hỏa                                             |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| 6   | Dầu ma dút 3,5S                                     |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| 7   | Dầu ma dút 3,0S                                     |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| 8   | Các mặt hàng xăng, dầu khác (nếu có)                |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            |                                     |
| III | Số dư Quỹ BOG cuối kỳ = (l) + (đ) - (e) + (g) - (h) |                                                              |                                                                |                                                |                                                  |                                               |                                            | 3.153.609.410                       |

2. Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu gửi kèm theo bảng sao kê tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu của đơn vị tại ngân hàng trong kỳ báo cáo.



Số tài khoản/  
Account no: 060274494551

Tên khách hàng/  
Account holder: CONG TY TNHH XANG DAU HUNG HAU

Số dư (\*) đầu kỳ/  
Opening balance: 4,395,414,783

Mã tiền tệ/  
Currency: VND

| STT<br>No | Ngày GD<br>Booking<br>date (*) | Ngày HL<br>Value date<br>(*) | Số GD<br>Txn ID           | Diễn giải<br>Description            | Số tiền rút<br>Debit | Số tiền gửi<br>Credit | Số dư<br>Balance (*) |
|-----------|--------------------------------|------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| 1         | 01/08/2026<br>02:11:37         | 31/07/2026                   | 060274494551-<br>20260731 | CHI LAI TK TIEN GUI 060274494551    |                      | 373,309               | 4,395,788,092        |
| 2         | 01/08/2026<br>02:11:37         | 31/07/2026                   | 060274494551-<br>20260731 | LAI NHAP VON BAC THANG 060274494551 |                      | 746,618               | 4,396,534,710        |

Cộng phát sinh trong kỳ/ Total recorded amount: 0 | 1,119,927

Số dư cuối kỳ/ Ending balance: 4,396,534,710

## Trong đó/ With:

Số dư (\*): là số dư với các giao dịch thực tế đã được hạch toán và ghi nhận vào tài khoản của Quý khách

Actual Balance (\*): the balance of actual transaction(s) which is credited or debited to your account

Ngày giao dịch (\*): là ngày ghi nhận phát sinh giao dịch

Booking date (\*): the date a transaction occurs (Used in recording transaction(s))

Ngày hiệu lực (\*): Ngày hạch toán là ngày ghi giao dịch được ghi nhận hạch toán thất sự vào tài khoản của quý khách

Value date (\*): the actual date a transaction is credited or debited to your account

Sổ phụ này được thể hiện song ngữ Việt Anh, trong trường hợp xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào giữa bảng tiếng Anh và bảng tiếng Việt thì bảng Tiếng Việt được ưu tiên về mặt pháp lý

This statement is made in English and Vietnamese, in case of any conflict or inconsistency between the Vietnamese version and English version, the Vietnamese version shall prevail

  
Nguyễn Thị Quỳnh Anh



  
Nguyễn Kiều Chương

